

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan

2. **Ngày tháng năm sinh:** 14/02/1976; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

4. **Quê quán** (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Chợ Lầu, Bắc Bình, Bình Thuận.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 25/19 Đường 475, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

6. **Địa chỉ liên hệ** (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): TS. Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan, Khoa Thú y - Chăn nuôi, trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh, Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0913.610715; E-mail: nvth.loan@hutech.edu.vn hoặc [vet.hongloan@gmail.com](mailto:vethongloan@gmail.com)

7. **Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan)

- Từ năm 2004 - 2021: Giảng dạy tại trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

- Từ tháng 11/2017 - 9/2021: Giảng dạy tại Viện Khoa học Ứng dụng, trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh;

- Từ tháng 09/2021 - 11/2021: Phó Viện trưởng Viện Khoa học Ứng dụng, trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 11/2021 - đến nay: Trưởng khoa Thú y - Chăn nuôi, trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Thú y - Chăn nuôi.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ cơ quan: 475A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại cơ quan: 028.71057699.

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Trà Vinh và trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh (hướng dẫn học viên cao học).

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng Đại học ngày 02/11/2000; Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 10/4/ 2006; Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 20/05/2020; Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày.. tháng... năm...., ngành: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS liên ngành: Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Hướng 1: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả điều trị bệnh ở thú cưng;

Hướng 2: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao sức khỏe và năng suất vật nuôi.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn chính thành công **03** học viên cao học bảo vệ luận văn Thạc sĩ;

- Đã chủ trì hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên: **03** đề tài cấp cơ sở;

- Đã công bố **44** bài báo, trong đó **10** bài là tác giả chính đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín sau Tiến sĩ;

- Đã chủ biên xuất bản **02** cuốn sách tham khảo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh (Quyết định số: 4374/QĐ-UBND ngày 02/10/2023); số sổ vàng: 2/BK-UB.
- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố (số: 242/GK-ĐKC); 22/04/2024.
- Giấy Chứng nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2024 đạt giải Ba cấp Bộ (số 3647/QĐ-BGDĐT); 22/11/2024.
- Giấy Chứng nhận của Thường vụ Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố (ngày 29/11/2024).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở:

Năm học 2021-2022, QĐ số: 2785 / QĐ-ĐKC ngày 31/08/2022

Năm học 2022-2023, QĐ số: 2788 / QĐ-ĐKC ngày 31/08/2023

Năm học 2023-2024, QĐ số: 3248 / QĐ-ĐKC ngày 05/09/2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Bản thân ứng viên là người có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê với công tác chuyên môn và giảng dạy; Luôn phấn đấu, rèn luyện để trở thành một giảng viên/lãnh đạo gương mẫu; Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn để tăng cường chất lượng giảng dạy các môn học được phân công; Luôn luôn được sinh viên và đồng nghiệp yêu thương và nể trọng. Bản thân thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhà giáo; Có trình độ chuyên môn vững vàng, hiểu biết sâu về môn học giảng dạy; Cập nhật kiến thức mới, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại; Khả năng truyền đạt kiến thức một cách dễ hiểu và hấp dẫn; Kỹ năng giao tiếp tốt, lắng nghe và tạo động lực cho sinh viên. Ứng viên có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sinh viên, đồng nghiệp và các quy định của ngành giáo dục; Đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong công việc giảng dạy và đánh giá sinh viên.

Bản thân đã tận tâm truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho sinh viên, xây dựng chương trình học phù hợp cho người học dễ tiếp thu; Đánh giá kết quả học tập và tiến bộ của sinh viên chặt chẽ, có tâm; Giúp sinh viên giải quyết vấn đề học tập và cá nhân, định hướng nghề nghiệp thông qua kết nối doanh nghiệp đến với nhà trường; Tạo môi trường học tập tích cực

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước và thân thiện; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình giảng dạy, cập nhật và áp dụng những tiến bộ mới trong giáo dục.

Ứng viên đã phụ trách hoàn thành chương trình kiểm định trình độ đại học ngành thú y theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ trì hội đồng xây dựng 02 chương trình đào tạo đại học ngành Thú y, Chăn nuôi và 01 chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Thú y tại trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh; Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân thủ pháp luật và qui định của nhà trường; Luôn luôn lắng nghe, với tinh thần cầu thị, để điều chỉnh đổi mới cách quản lý, phương pháp giảng dạy vì chất lượng đào tạo và nghiên cứu đạt yêu cầu chuyên môn.

Bản thân đã được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Quản lý tập thể khoa Thú y - Chăn nuôi, Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh đạt nhiều thành tích xuất sắc: được Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh tặng Bằng khen tập thể lao động xuất sắc các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024 và Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh khen thưởng tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023 - 2024.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 07 năm, 8 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã hướng dẫn	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	\	\	-	-	375	-	375/340,5 ^(a) /270 ^(b)
2	2020-2021	\	\	-	12	375	-	375/524,3 ^(a) /350 ^(b)
3	2021-2022	\	\	-	10	450	-	378/660,81/210 ^(b)
3 năm học cuối								
4	2022-2023	\	\	01	10	480	-	480/690/210 ^(b)
5	2023-2024	\	\	02	11	495	121	616/920/210 ^(b)
6	2024-2025	\	\	-	09	270	78	348/623/210 ^(b)

(Số giờ định mức đã quy đổi sau khi trừ % miễn giảm cho người quản lý; Từ năm học 2021 - 2025: Trường khoa = 60% x 350)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(a): Tổng số giờ giảng và giờ quy đổi được tính từ hai cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh và trường Đại học Trà Vinh.

(b): Giờ chuẩn định mức theo Quy định thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

(*)- Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Tiếng Anh, VB2; trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh; Số hiệu: A010564; Số vào sổ cấp bằng: DKC25CX00327; Năm cấp: 2025.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh văn: Số hiệu: A010564; Số vào sổ cấp bằng: DKC25CX00327; Cấp ngày: 10/06/2025; Nơi cấp: trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Tố Uyên		X	X		Quyết định số 2444/QĐ-ĐHNL-SĐH, 6/8/2021.	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Quyết định số 2477/QĐ-ĐHNL-SĐH, 29/6/2023
2	Nguyễn Hữu Tịnh		X	X		Quyết định số 4902/QĐ-ĐHNL-SĐH, 13/12/2023.	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Quyết định số 178/QĐ-ĐHNL-SĐH, 17/1/2025
3	Võ Quang Huy		X	X		Quyết định số 2372/QĐ-ĐHNL-SĐH, 12/6/2024.	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Quyết định số 178/QĐ-ĐHNL-SĐH, 17/1/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Chăn nuôi chó mèo Năm 2024 ISBN: 978-604-479-535-5	TK	NXB Đại học Quốc gia TP. HCM	02	X	93 - 100; 203 - 237	Giấy xác nhận sử dụng sách tham khảo của trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
2	Sản khoa gia súc Năm 2024 ISBN: 978-604-479-534-8	TK	NXB Đại học Quốc gia TP. HCM	02	X	43 - 45; 69 - 80	Giấy xác nhận sử dụng sách tham khảo của trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Khảo sát sỏi đường tiết niệu trên mèo tại phòng khám thú y TP. HCM	CN	2022.02.12.TYCN Cấp cơ sở (trường Đại học Công nghệ TP. HCM)	07/2022 - 07/2023	Biên bản thanh lý HĐ Khoa học 29/09/2022 Kết quả: Đạt
2	Khảo sát bệnh viêm tử cung trên chó nuôi và hiệu quả điều trị	CN	2023.02.01.TYCN Cấp cơ sở (trường Đại học Công nghệ TP. HCM)	06/2023 - 06/2024	Biên bản thanh lý HĐ Khoa học 20/06/2024

	tại một số phòng khám trên địa bàn TP. HCM				Kết quả: Đạt
3	Khảo sát tình hình bệnh trên heo nái sau sinh từ 1 đến 7 ngày và hiệu quả điều trị bệnh viêm tử cung ở nhóm heo nái khảo sát	CN	2024.02.TYCN Cấp cơ sở (trường Đại học Công nghệ TP. HCM)	01/2024 - 01/2025	Biên bản thanh lý HĐ Khoa học 21/06/2024 Kết quả: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập (số): trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Các yếu tố liên quan chó đẻ khó	3	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			20(4): 64 - 70	2013
2	Cơ chế tử cung và một số chỉ tiêu huyết học liên quan đến tình trạng sinh đẻ của chó mẹ và sức sống chó sơ sinh	4	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			23(8): 14 - 20	2016
3	Chỉ số Apgar của chó sơ sinh sau can thiệp đẻ khó	1	X	Kỷ yếu Hội nghị KHCN (HUTECH) - NXB KH & KT/ ISBN: 978-604-67-1082-0			619 - 623	2018
II	Sau khi được công nhận TS							
4	Khảo sát sỏi đường tiết niệu trên mèo tại phòng khám thú y TP. HCM	2	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			28(8): 22 - 26	2021
5	Khảo sát bệnh rối loạn chuyển hóa xương và sỏi urate trên rồng Nam Mỹ (Iguana) tại Việt Nam	2	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			28(8): 27 - 31	2021

6	Một số hormone liên quan đến quá trình đẻ khó trên chó	1	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			28(4): 82 - 90	2021
7	Optimizing the ratios of standardized ileal digestible (SID) methionine plus SID cystine and SID threonine to SID lysine in low-protein diets for working boars https://doi.org/10.18006/2022.10(6).1469.1476	5		Journal of Experimental Biology and Agricultural Sciences/ ISSN 2320-8694	SCIE; (IF.2022: 0.46; Q4)		10(6): 1469 - 1476	2022
8	Diễn biến sinh lý và những rối loạn trên chó con sau can thiệp đẻ khó	1	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			29(4): 91 - 96	2022
9	The prevalence of overweight domestic cats and obesity related diseases	5		International Conference on Science, Technology and Society Studies (HUTECH)/ ISBN: STS22-84			225 - 230	2022
10	Molecular epidemiology of mammalian orthoreovirus and canine kobuvirus among domestic dogs in Vietnam	4		International Conference on Science, Technology and Society Studies (HUTECH)/ ISBN: STS22-84			231 - 236	2022
11	Diễn biến sinh lý và những rối loạn trên chó mẹ sau can thiệp đẻ khó	1	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			29(8): 69 - 77	2022
12	Effect of a combination of lysolecithin, synthetic emulsifier and monoglycerides on the apparent ileal digestibility, metabolizable energy and growth performance of growing pigs https://doi.org/10.3390/ani13010088	8		Animals/ ISSN 2076 - 2615	Scopus; (SJR.2023: 0.698; Q1)	3	13(1): 88 - 100	2023
13	Phân lập, định danh và đánh giá khả năng	3		KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			30(6): 60 - 65	2023

	sản sinh độc tố của vi khuẩn <i>E. coli</i> gây bệnh sung phù đầu (edema) ở heo con sau cai sữa							
14	The effect of replacing soybean meal by field pea (<i>Pisum sativum</i>) seed meal in diets on growth performance, carcass traits and meat quality of finishing pigs in the tropical climate conditions of Vietnam http://lrrd.org/lrrd35/9/3581baki.html	5	X	Livestock Research for Rural Development/ ISSN 0121 -3784	Scopus; (SJR.2023: 0.242; Q3)		35(9): 1 - 6	2023
15	Tình hình bệnh về mắt ở chó và hiệu quả điều trị tại trung tâm thú y Vinpet, TP. HCM	3	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			30(8): 63 - 71	2023
16	Khảo sát tình hình bệnh và các chỉ tiêu sinh lý máu trên chó bệnh do Parvovirus	3		KHKT Chăn nuôi/ ISSN 1859 - 476X			287: 85 - 90	2023
17	Khảo sát và định danh một số loài noãn nang gây bệnh cầu trùng trên gà thịt tại tỉnh Vĩnh Long	3	X	KHKT Chăn nuôi/ ISSN 1859 - 476X			294: 74 - 79	2023
18	Sự lưu hành huyết thanh và các yếu tố nguy cơ liên quan <i>Leptospira</i> spp trên bò sữa tại TP. HCM	4		Kỷ yếu Hội nghị KHCN (HUTECH) - NXB Giao thông vận tải/ ISBN: 978-604-76-2703-5			448 - 454	2023
19	Đánh giá tỷ lệ kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>E. coli</i> và <i>Salmonella</i> spp. phân lập trên heo và gà tại cơ sở giết mổ	3	X	Kỷ yếu Hội nghị KHCN (HUTECH) - NXB Giao thông vận tải/ ISBN: 978-604-76-2703-5			469 - 473	2023
20	Xác định một số hằng số sinh hoá - sinh lý máu mèo bình thường tại Biên Hòa, Đồng Nai	3	X	Hội nghị KHCN-TY toàn quốc 2023/ ISBN: 978-604-924-767-5			527 - 536	2023
21	Đánh giá một số bệnh hệ tiết niệu ở mèo và hiệu quả điều trị tại một số phòng khám tại TP.HCM	5	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			31(8): 82 - 89	2024

22	Khảo sát tình hình bệnh viêm tử cung trên heo nái sau sinh từ 1 đến 7 ngày	3	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			31(3): 73 - 78	2024
23	Một số chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu trên chó bệnh Ehrlichiosis tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật TP. HCM	4	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			31(4): 83 - 87	2024
24	Đặc điểm và phương pháp chẩn đoán bệnh do <i>Ehrlichia canis</i> gây ra trên chó tại TP. HCM	5	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			31(4): 40 - 44	2024
25	Khảo sát bệnh viêm tử cung trên chó nuôi và hiệu quả điều trị tại một số phòng khám thú y trên địa bàn TP. HCM	3	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			31(4): 56 - 64	2024
26	Khảo sát bệnh viêm tử cung trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y Bà Lát	3		Kỷ yếu Hội nghị KHCN (HUTECH) - NXB Giao thông vận tải/ ISBN: 978-604-76-2945-9			503 - 513	2024
27	Ứng dụng siêu âm trong chẩn đoán bệnh đường tiết niệu ở chó tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật TP. HCM https://doi.org/10.22144/ctujos.2024.313	3		CTU Journal of Science/ ISSN 1859 - 2333			60(3B): 155 - 161	2024
28	Effects of supplementing cultured Cordyceps militaris mushroom mycelia in the pregnant sow's diet on the health and performance of the mothers and their suckling piglets https://dx.doi.org/10.51227/ojafr.2024.39	2	X	Online J. Anim. Feed Res./ ISSN: 2228 - 7701	Scopus; (SJR.2024: 0.183; Q4)		14(5): 339 - 346	2024
29	Đặc điểm và phương pháp chẩn đoán bệnh viêm phúc mạc truyền	2	X	KHKT Chăn nuôi/ ISSN 1859 - 476X			300: 79 - 83	2024

	niêm thể ứot trên mèo tại TP. HCM							
30	Khảo sát bệnh lý về gan trên chó bằng chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng	3	X	KHKT Chăn nuôi/ ISSN 1859 - 476X			304: 87 - 90	2024
31	Feline panleukopenia: A survey on the pathology, risk factors and hematological changes in cats	2	X	Viet Nam Journal of Agriculture and Rural Development/ ISSN 2815-6110			7(2): 61 - 70	2024
32	Effects of earthworm hydrolysate on health status, laying performance, egg quality, and economic benefit of Cherry Valley laying ducks at the late phase of reproduction https://doi.org/10.12982/ VIS.2025.043	2	X	Vet. Integrative Sci./ ISSN 2629 - 9968	Scopus; (SJR.2025: 0.247; Q2)		23(2): 1 - 15	2025
33	Urolithiasis and the effectiveness of treatments in dogs and cats in HCM City, Vietnam https://doi.org/10.12982/ VIS.2025.057	2	X	Vet. Integrative Sci./ ISSN 2629 - 9968	Scopus; (SJR.2025: 0.247; Q2)		23(2): 1 - 9	2025
34	Khảo sát tình hình nhiễm ghép <i>Parvovirus</i> và <i>Coronavirus</i> ở chó và hiệu quả điều trị https://dx.doi.org/10.468 26/huaf- jasat.v9n1y2025.1190	2	X	HUAF Journal of Agricultural Science & Technology/ ISSN 2588 -1256			9(1): 4637- 4644	2025
35	Apparent and standardized ileal digestibility of essential amino acids of paddy rice, broken rice and rice bran fed to growing pigs https://dx.doi.org/10.175 82/journal.aavs/2025/13. 2.297.303	4	X	Adv. Anim. Vet. Sci./ ISSN 2307 - 8316	Scopus; (SJR.2025: 0.222; Q3)		13(2): 297 - 303	2025

36	Optimizing egg production and gut health in Ac chickens through functional product supplementation https://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2025/13.3.676.683	3	X	Adv. Anim. Vet. Sci./ ISSN 2307-8316	Scopus; (SJR.2025: 0.222; Q3)		13(3): 676 - 683	2025
37	Effects of inclusion of herbal extracts in drinking water on growth performance and fecal <i>E. coli</i> counts in growing Japanese quails http://lrrd.org/lrrd37/1/3709nvth.html	4	X	Livestock Research for Rural Development/ ISSN 0121-3784	Scopus; (SJR.2025: 0.226; Q3)		37(1): 1 - 7	2025
38	Correlation of canine kidney autopsy to renal diseases: Pathological insights https://dx.doi.org/10.54203/scil.2025.wvj9	4	X	World Vet. J./ ISSN 2322 - 4568	Scopus; (SJR.2024: 0.228; Q3)		15(1): 72 - 78	2025
39	Khảo sát sự thay đổi của một số chỉ tiêu sinh lý - sinh hoá máu do <i>Leptospira</i> gây ra trên chó tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật TP. HCM https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/6545	2	X	KH Đại học Cần Thơ/ ISSN 1859 - 2333			61(2B): 213 - 221	2025
40	Clinical features and hematological and biochemical blood parameters of dogs with hepatobiliary disorders https://doi.org/10.14202/vetworld.2025.986-993	3	X	Vet. World /ISSN 2231-0916	Scopus; (SJR.2025: 0.541; Q1)		18(4): 986 - 993	2025
41	Ứng dụng máy đo cơ cơ tử cung ở chó đẻ khó	2	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			32(3): 59 - 70	2025
42	Bước đầu khảo sát sự thay đổi sinh lý, sinh hóa máu trên chó béo phì tại phòng khám thú y Hóc Môn, TP. HCM	2	X	KHKT Thú y/ ISSN 1859 - 4751			33(4): 57 - 62	2025

43	Hematological parameters and hypoglycemia in dogs with canine distemper virus and canine parvovirus infections: Study in veterinary clinics in HCM City, Vietnam DOI: 10.22144/ctujoisd.2025.033	2	X	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development / ISSN 2588 - 1418			17(2): 34 - 40	2025
44	Molecular prevalence and 16s rRNA gene analysis of Ehrlichia canis in dogs in HCM City, Vietnam https://dx.doi.org/10.54203/scil.2025.wvj9	2	X	World Vet. J./ ISSN 2322 - 4568	Scopus; (SJR.2024: 0.228; Q3)		15(2): 264 - 273	2025

- Trong đó: Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ: **10** bài, thứ tự [14, 28, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 40, 44].

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ đại học	Chủ trì	2021	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Số 3011/QĐ-ĐKC ngày 14/12/2021	
2	Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi trình độ đại học	Chủ trì	2021	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Số 3010/QĐ-ĐKC ngày 14/12/2021	
3	Chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ Thạc sĩ	Chủ trì	2023	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Số 4038 /QĐ-KDC ngày 29/11/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế:

- a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:
- b) Hoạt động đào tạo:
 - Thâm niên đào tạo: Đủ
 - Giờ giảng dạy: Đủ
 - Hướng dẫn chính HVCH: Đủ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học: Đủ

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

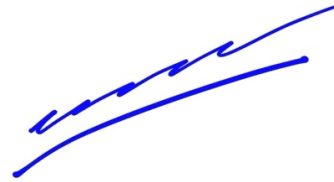
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan